



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 27.12.2022 08:3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Hóa chất**

Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 12 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022;

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất¹,

¹ Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn thi hành và quy định cụ thể:

a)² (*được bãi bỏ*);

b)³ Một số loại biểu mẫu bao gồm: mẫu Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc; các biểu mẫu báo cáo hoạt động hóa chất; các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

c) Xây dựng Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

d) Phân loại và ghi nhãn hóa chất;

đ) Xây dựng Phiếu an toàn hóa chất;

e) Khai báo hóa chất nhập khẩu;

g) Chế độ báo cáo về quản lý hóa chất trong ngành Công Thương.

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hóa chất; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hóa chất trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nhãn hóa chất* là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh, được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất.

2. *Ghi nhãn hóa chất* là việc thể hiện nội dung cơ bản, cần thiết về hóa chất lên nhãn hóa chất để người tiêu dùng nhận biết, làm căn cứ lựa chọn, tiêu thụ và sử dụng; để nhà sản xuất, kinh doanh thông tin, quảng bá cho hóa chất của mình và để các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát.

3. *Nhãn gốc của hóa chất* là nhãn thể hiện lần đầu do tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất gắn trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất.

Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,"

² Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

³ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

4. *Nhãn phụ* là nhãn thể hiện những nội dung bắt buộc được dịch từ nhãn gốc của hóa chất bằng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt và bổ sung những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật Việt Nam mà nhãn gốc của hóa chất còn thiếu.

5. *Bao bì thương phẩm của hóa chất* là bao bì chứa đựng hóa chất, lưu thông cùng với hóa chất và gồm hai loại:

a) Bao bì trực tiếp là bao bì chứa đựng hóa chất, tiếp xúc trực tiếp với hóa chất, tạo ra hình khối hoặc bọc kín theo hình khối của hóa chất;

b) Bao bì ngoài là bao bì dùng để bao gói một hoặc một số đơn vị hóa chất có bao bì trực tiếp.

6. *Ngày sản xuất* là mốc thời gian hoàn thành công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hóa chất hoặc lô hóa chất đó.

7. *Hạn sử dụng của hóa chất* là mốc thời gian sử dụng ấn định cho hóa chất hoặc một lô hóa chất mà sau thời gian này hóa chất không còn giữ được đầy đủ các đặc tính, chất lượng vốn có của nó. Hạn sử dụng của hóa chất được thể hiện bằng khoảng thời gian tính từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn hoặc thể hiện bằng ngày, tháng, năm hết hạn. Trường hợp hạn sử dụng chỉ thể hiện tháng, năm thì hạn sử dụng được tính đến ngày cuối cùng của tháng hết hạn.

9. *Lưu thông hoá chất* là hoạt động trưng bày, khuyến mại, vận chuyển và lưu giữ hoá chất trong quá trình mua bán hoá chất, trừ trường hợp vận chuyển hóa chất của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất từ cửa khẩu về kho lưu giữ.

Điều 3.⁴ (được bãi bỏ).

Điều 3a.⁵ Thời hạn của Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp

1. Giấy phép cấp mới có thời hạn hiệu lực là 5 năm kể từ ngày cấp. Đối với hóa chất hữu cơ khó phân hủy (POP), thời hạn của Giấy phép là 5 năm kể từ ngày cấp hoặc bằng thời hạn đăng ký miễn trừ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, căn cứ theo thời hạn nào đến trước.

2. Thời hạn của Giấy phép cấp lại và cấp điều chỉnh bằng thời hạn còn lại

⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

của Giấy phép đã cấp.

Điều 4. Ban hành biểu mẫu

1.⁶ (được bãi bỏ).

2.⁷ (được bãi bỏ).

3.⁸ Ban hành tại Phụ lục 3 các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

a) Mẫu 03a: Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định;

b) Mẫu 03b: Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định;

c) Mẫu 03c: Mẫu Phiếu nhận xét, đánh giá;

d) Mẫu 03d: Mẫu Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

đ) Mẫu 03đ: Mẫu Chứng thực trên trang phụ bì của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt.

4. Ban hành tại Phụ lục 4 mẫu Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc.

5. Ban hành tại Phụ lục 5 các biểu mẫu Báo cáo trong hoạt động hóa chất:

a) Mẫu 05a: Mẫu Báo cáo hoạt động hóa chất (dành cho tổ chức, cá nhân);

b) Mẫu 05b: Mẫu Báo cáo tình hình quản lý và hoạt động hóa chất (dành cho Sở Công Thương).

Điều 5. Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp

1.⁹ (được bãi bỏ).

⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

⁷ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

⁸ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

⁹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

2. Đối với đối tượng phải xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định ban hành Biện pháp, chủ đầu tư gửi 01 bản Quyết định và 01 quyển Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đến Sở Công Thương tỉnh, thành phố nơi xây dựng dự án hoạt động hóa chất để giám sát, quản lý.

3. Trường hợp có sự thay đổi trong quá trình đầu tư và hoạt động liên quan đến những nội dung đề ra trong Kế hoạch đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân gửi báo cáo về Cục Hóa chất để được hướng dẫn.

Điều 6. Phân loại và ghi nhãn hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất có nghĩa vụ phân loại và ghi nhãn hóa chất, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phân loại hóa chất và thông tin thể hiện trên nhãn hóa chất.

2. Việc phân loại hóa chất được thực hiện theo quy tắc và hướng dẫn kỹ thuật của GHS từ Phiên bản 2 năm 2007 trở đi. Hướng dẫn chung và tiêu chí phân loại hóa chất theo GHS được quy định tại Phụ lục 7 kèm theo Thông tư này.

3.¹⁰ Việc ghi nhãn hóa chất được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa và được hướng dẫn tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.

4.¹¹ *(được bãi bỏ).*

5.¹² Hình đồ cảnh báo trong vận chuyển hóa chất nguy hiểm được quy định tại Phụ lục III Mẫu nhãn, biểu trưng hàng hóa nguy hiểm ban hành kèm theo Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

¹¹ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

¹² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Điều 7. Xây dựng Phiếu an toàn hóa chất

1.¹³ Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất nguy hiểm được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường phải xây dựng Phiếu an toàn hóa chất bao gồm các thông tin theo hướng dẫn tại Phụ lục 9 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Phiếu an toàn hóa chất.

2. Tổ chức, cá nhân phải lưu giữ Phiếu an toàn hóa chất đối với tất cả các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở và đảm bảo tất cả các đối tượng có liên quan đến hóa chất nguy hiểm được cung cấp Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm đó.

Điều 8. Hướng dẫn khai báo hóa chất nhập khẩu

1.¹⁴ (được bãi bỏ).

2.¹⁵ (được bãi bỏ).

3. Không áp dụng khai báo hóa chất nhập khẩu đối với các tổ chức, cá nhân mua hóa chất trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Khi có thông báo sự cố, tổ chức, cá nhân có thể thực hiện khai báo hóa chất nhập khẩu qua hệ thống dự phòng. Tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin khai báo hóa chất qua hệ thống dự phòng như khi thực hiện qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1.¹⁶ Chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân

a) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất

¹³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

¹⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

¹⁵ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

¹⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

trong lĩnh vực công nghiệp có trách nhiệm báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động hóa chất của năm trước theo Mẫu số 05a quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này đến Cục Hóa chất, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt địa điểm sản xuất, kinh doanh thông qua hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia (<https://chemicaldata.gov.vn/cms.xc>);

b) Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp có trách nhiệm báo cáo khi có sự cố xảy ra trong hoạt động hóa chất hoặc chấm dứt hoạt động hóa chất đến Cục Hóa chất, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt địa điểm sản xuất, kinh doanh.

2.¹⁷ Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo công tác quản lý hoạt động hóa chất của tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý theo Mẫu số 05b quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này đến Cục Hóa chất thông qua hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.

3. Khi được yêu cầu, các cơ quan, đơn vị được phân công trách nhiệm tại Điều 10 của Thông tư này có trách nhiệm báo cáo công tác quản lý hóa chất theo chức năng, nhiệm vụ, gửi Cục Hóa chất tổng hợp.

Điều 10. Trách nhiệm của các Vụ, Cục chức năng thuộc Bộ Công Thương, Sở Công Thương và lực lượng Quản lý thị trường

1.¹⁸ Cục Hóa chất là cơ quan đầu mối của Bộ Công Thương thực hiện quản lý hoạt động hóa chất.

Cục Hóa chất chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung quản lý hóa chất thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Công Thương:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hóa chất; các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển ngành hóa chất; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hóa chất;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật về quản lý hóa chất;

c) Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 8

¹⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP. Cục trưởng Cục Hóa chất ký thừa ủy quyền Bộ trưởng Bộ Công Thương trong các trường hợp cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp;

d) Tham mưu giúp Lãnh đạo Bộ Công Thương trong việc xử lý hồ sơ, tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; trình lãnh đạo Bộ Công Thương thành lập Hội đồng thẩm định; trình lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; chứng thực trên trang phụ bì của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt;

đ) Kiểm tra hồ sơ và phản hồi thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khai báo theo quy định tại điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

e) Nâng cấp, cập nhật Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia;

g) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong hoạt động hóa chất.

2. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kỹ thuật an toàn trong hoạt động hóa chất nguy hiểm trong lĩnh vực công nghiệp.

3. Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số chủ trì, phối hợp với Tổng Cục hải quan để duy trì hoạt động hệ thống điện tử của Bộ Công Thương qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

4. Tổng cục Quản lý thị trường hướng dẫn, chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động hóa chất theo quy định.

5. Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Quản lý, giám sát hoạt động hóa chất trên địa bàn quản lý;

b)¹⁹ (được bãi bỏ);

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật về quản lý hóa chất trên địa bàn quản lý;

d) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về hoạt động hóa chất trên địa bàn quản lý theo quy định;

¹⁹ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022

đ) Giám sát việc thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất, Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và huấn luyện an toàn hóa chất của các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất trên địa bàn quản lý;

e) Thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP và các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động hóa chất được phân công, phân cấp.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc kiểm tra xác nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện.

2. Hóa chất sản xuất, nhập khẩu đã thực hiện phân loại hoặc ghi nhãn để đưa vào sử dụng, lưu thông trên thị trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục lưu thông đến khi hết lô hàng.

3. Điều khoản chuyển tiếp đối với Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện.

a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép trước khi Nghị định số 113/2017/NĐ-CP có hiệu lực được tiếp tục thực hiện cho đến khi Giấy phép, Giấy chứng nhận hết thời hạn;

b)²⁰ (được bãi bỏ);

c) Đối với hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo quy định của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP mà không thuộc Danh mục hóa chất quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp theo quy định của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP mà không thuộc Danh mục hóa chất quy định tại Phụ lục 2 của Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ, tổ chức, cá nhân phải bổ sung đủ điều kiện, lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy phép trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 12. Hiệu lực thi hành²¹

²⁰ Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

²¹ Điều 3 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.
3. Thông tư này thay thế, bãi bỏ:
 - a) Thông tư số 01/2006/TT-BCN ngày 11 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp hướng dẫn quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất độc và sản phẩm có hóa chất độc hại, tiền chất ma túy, hóa chất theo tiêu chuẩn kỹ thuật thuộc dạng quản lý chuyên ngành của Bộ Công nghiệp;
 - b) Quyết định số 40/2006/QĐ-BCN ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp bổ sung Danh mục hoá chất cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu ban hành kèm theo Quyết định số 05/2006/QĐ-BCN ngày 07 tháng 4 năm 2006 của Bộ Công nghiệp về việc công bố Danh mục hoá chất cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu;
 - c) Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
 - d) Thông tư số 18/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ sung, bãi bỏ thủ tục hành chính tại Thông tư 28/2010/TT-BCT quy định cụ thể một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất;
 - đ) Thông tư số 40/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về khai báo hóa chất;
 - e) Thông tư số 04/2012/TT-BCT ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phân loại và ghi nhãn hóa chất;
 - g) Thông tư số 07/2013/TT-BCT ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Bộ

phù quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2022. Chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân và Sở Công Thương quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2023.
2. Quy định chuyển tiếp: Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp đã được cấp trước ngày 22 tháng 12 năm 2022 được tiếp tục sử dụng đến ngày 22 tháng 12 năm 2027 hoặc đến thời hạn đăng ký miễn trừ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, căn cứ theo thời hạn nào đến trước.
3. Khi các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu, giải quyết.”

trưởng Bộ Công Thương quy định việc đăng ký sử dụng hóa chất nguy hiểm để sản xuất sản phẩm, hàng hóa trong lĩnh vực công nghiệp;

h) Thông tư số 20/2013/TT-BCT ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về Kế hoạch và Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

i) Điều 6, Điều 7, khoản 1 và khoản 2 Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 14, Điều 18 của Thông tư số 42/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý, kiểm soát tiền chất trong lĩnh vực công nghiệp;

k) Thông tư số 36/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất và cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất;

l) Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Thông tư số 06/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất, điện lực và hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa;

m) Điều 2, Điều 3 của Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực;

n) Khoản 1 Điều 4, Điều 5 của Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu, giải quyết./. *ng*

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: *15* /VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày *26* tháng 12 năm 2022

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ (để đăng Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về VBQPPL);
- Lưu: VT, HC.



**BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục 1²²

(được bãi bỏ)

²² Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 2²³
(được bãi bỏ)

²³ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Phụ lục 3²⁴
Các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt
Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT
ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

Ký hiệu	Mẫu văn bản
Mẫu 03a	Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định
Mẫu 03b	Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định
Mẫu 03c	Mẫu Phiếu nhận xét, đánh giá
Mẫu 03d	Mẫu báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định
Mẫu 03đ	Mẫu chứng thực trên trang phụ bìa của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt

²⁴ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

BỘ QUẢN LÝ NGÀNH ⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: .../QĐ-...⁽²⁾...

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của.....⁽³⁾....****BỘ TRƯỞNG⁽¹⁾.....***Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;**Căn cứ Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ...⁽¹⁾...;**Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;**Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số/2022/TT-BCT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;**Xét đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽⁴⁾.....,**Theo đề nghị của ...⁽⁵⁾...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽³⁾..... do ...⁽⁴⁾..... đề nghị gồm các ông, bà có tên sau đây:

1.

2.

...

Điều 2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm kiểm tra thực tế việc thực hiện quy định về an toàn hóa chất, tiến hành đánh giá, thẩm định những nội dung của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nêu tại Điều 1.

Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Kinh phí thẩm định.....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

-

- Lưu:

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (2): Chữ viết tắt tên bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (3): Tên Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);
- (4): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (5): Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

BỘ QUẢN LÝ NGÀNH ⁽¹⁾
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Mẫu 03b
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Hợp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của
.....⁽²⁾.....

Thực hiện quy định về thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của ... ⁽¹⁾ đã tiến hành họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾.....

Thời gian bắt đầu:

Địa điểm:

I. Thành phần tham dự

1. Hội đồng thẩm định

.....

Số thành viên có mặt:.../..... thành viên.

Số thành viên vắng mặt: .../... thành viên. Thành viên vắng mặt là:...

Chủ trì:

Thư ký:

2. Đại diện:⁽³⁾.....

.....

II. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:⁽⁴⁾.....

Địa điểm thực hiện:

Chủ đầu tư/Tổ chức, cá nhân quản lý, điều hành:⁽³⁾.....

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số do
..... cấp ngày tháng năm.....

II. Nội dung

.....

III. Kết luận

.....

Cuộc họp kết thúc vào ngày tháng năm/

THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Tên bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (2): Tên Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);
- (3): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (4): Ghi đầy đủ tên của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở.

BỘ QUẢN LÝ NGÀNH⁽¹⁾
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Mẫu 03c
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày....tháng...năm

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
của⁽²⁾

1. Tên Kế hoạch: Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của

.....⁽²⁾
Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:.....⁽³⁾

Địa điểm thực hiện:

Chủ đầu tư/Tổ chức, cá nhân quản lý, điều hành:⁽⁴⁾

2. Họ tên người nhận xét:

Chức vụ:

Cơ quan:

3. Kết quả đánh giá (thành viên Hội đồng ký vào ô đã lựa chọn):

- Đồng ý thông qua Kế hoạch

☐

- Đồng ý thông qua Kế hoạch nhưng yêu cầu phải
chỉnh sửa bổ sung

☐

- Không đồng ý thông qua Kế hoạch

☐

4. Ý kiến nhận xét:

4.1 Các nội dung đạt yêu cầu

.....

4.2 Các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung

.....

NGƯỜI NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Tên bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

- (2): Tên Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);

- (3): Ghi đầy đủ tên của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở;

- (4): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

Mẫu 03d

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾.....⁽³⁾....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định
Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Kính gửi:⁽⁴⁾

Tên tổ chức/cá nhân:⁽¹⁾.....

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại: Fax:.....

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:⁽⁵⁾.....

Địa điểm thực hiện:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số do cấp ngày tháng năm.....

Căn cứ Biên bản họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽⁶⁾....., ngày tháng năm, ...⁽¹⁾..... đã chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

.....⁽¹⁾..... giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định như sau:

STT	Ý kiến của Hội đồng	Ý kiến giải trình, tiếp thu	Trang
1			
2			
...			
n			

.....⁽¹⁾..... báo cáo, đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽⁶⁾...../.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

- (4): Tên cơ quan tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;

- (5): Ghi đầy đủ tên của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở;

- (6): Tên Kế hoạch (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch).

CHỨNG THỰC

.....⁽¹⁾ chứng thực Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của
⁽²⁾ địa chỉ tại⁽³⁾ đã được phê duyệt theo Quyết định số⁽⁴⁾
 ngày⁽⁵⁾ của Bộ trưởng⁽⁶⁾

Hà Nội, ngày tháng năm

CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN CỦA

NGƯỜI KÝ

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (2): Tên Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);
- (3): Ghi đầy đủ địa chỉ của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở;
- (4): Số Quyết định phê duyệt Kế hoạch;
- (5): Ngày Quyết định phê duyệt Kế hoạch;
- (6): Tên bộ quản lý ngành phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự

Phụ lục 4
MẪU PHIẾU KIỂM SOÁT MUA, BÁN HÓA CHẤT ĐỘC
(Kèm theo Thông tư số 32 /2017/TT-BCT
Ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU KIỂM SOÁT MUA, BÁN HÓA CHẤT ĐỘC

Căn cứ Nghị định số/.../NĐ-CP ngày .. tháng .. năm ... của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;

Căn cứ Thông tư số/.../TT-BCT ngày ... tháng ... năm của Bộ Công Thương,

BÊN BÁN

Tên tổ chức/cá nhân:..... (1).....

Địa chỉ trụ sở: Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm.....

Tên người đại diện:.....

Giấy CMND/ CCCD/ Hộ chiếu người đại diện: số....., cấp ngày....tháng.....năm.....

tại.....

BÊN MUA

Tên tổ chức/cá nhân:..... (1).....

Địa chỉ trụ sở: Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ngày tháng năm ...do cấp ngày tháng năm.....

Tên người đại diện:.....

Giấy CMND/ CCCD/ Hộ chiếu người đại diện: số....., cấp ngày....tháng.....năm.....

tại.....

Thông tin mua, bán hóa chất độc gồm các nội dung sau:

TT	Tên thương mại	Nhận dạng hóa chất độc				Mục đích sử dụng		
		Tên hóa học	Mã số CAS	Công thức	Khối lượng	Sản xuất	Kinh doanh	Sử dụng

				hóa học				
1								
2								
n...								

Bên bán hàng cung cấp các thông tin đầy đủ về hóa chất độc cho bên mua hàng. Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc được Bên mua, Bên bán lưu giữ ít nhất 05 năm và xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(Ký tên và đóng dấu)

(2)....., ngày ... tháng ... năm
ĐẠI DIỆN BÊN MUA
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân mua và bán hóa chất độc.

(2): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân bán hàng.

Phụ lục 5²⁵
(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT
ngày 28 tháng 12 năm 2017)

Ký hiệu	Mẫu văn bản
Mẫu 05a	Mẫu Báo cáo hoạt động hóa chất (dành cho tổ chức, cá nhân)
Mẫu 05b	Mẫu Báo cáo quản lý hoạt động hóa chất (dành cho Sở Công Thương)

²⁵ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

.....⁽¹⁾, ngày... tháng.....năm

Kính gửi:

- Cục Hóa chất;
- Sở Công Thương.....⁽²⁾

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số/2022/TT-BCT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất,

(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo tình hình hoạt động hóa chất năm như sau:

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức/ cá nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:⁽³⁾

Điện thoại:.....Fax:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm.....

4. Mã số thuế:.....

5. Danh sách các cơ sở hoạt động hóa chất

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ ⁽³⁾	Điện thoại	Fax
1				
2				
...				
n				

Phần II: BÁO CÁO XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÓA CHẤT

Yêu cầu nội dung:

1. Báo cáo hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đối với các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất Bàng và các hóa chất nguy hiểm khác.
2. Báo cáo tổng khối lượng hóa chất xuất khẩu, nhập khẩu theo năm và theo quốc gia xuất khẩu hoặc nhập khẩu hóa chất.

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần		Hoạt động		Số lượng xuất khẩu, nhập khẩu thực tế (kg)	Quốc gia xuất khẩu hoặc nhập khẩu
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng ⁽⁵⁾ (%)	Nhập khẩu		
I. Các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁶⁾							
1.					☐	☐	
2.					☐	☐	
...							
n.					☐	☐	
II. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁷⁾							
II.1. Các tiền chất công nghiệp							
1.					☐	☐	
2.					☐	☐	
...							
n.					☐	☐	
II.2. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp khác							
1.					☐	☐	
2.					☐	☐	
...							
n.					☐	☐	
III. Các hóa chất Bảng ⁽⁸⁾							
1.					☐	☐	
2.					☐	☐	
...							
n.					☐	☐	

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần		Hoạt động		Số lượng xuất khẩu, nhập khẩu thực tế (kg)	Quốc gia xuất khẩu hoặc nhập khẩu
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng ⁽⁵⁾ (%)	Nhập khẩu		
IV. Các hóa chất nguy hiểm khác							
1.					☐	☐	
2.					☐	☐	
...							
n.					☐	☐	

Phần III: BÁO CÁO MUA, BÁN HÓA CHẤT TRONG NƯỚC

Yêu cầu nội dung:

1. Báo cáo mua, bán các hóa chất đối với hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất Bàng và các hóa chất nguy hiểm khác.
2. Báo cáo tổng khối lượng hóa chất mua, bán hóa chất trong nước theo năm và theo tổ chức cá nhân mua, bán hóa chất.

3. Liệt kê:

- Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp số.... /GP-BCT ngày...tháng....năm... của Bộ Công Thương (nếu có);
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số /GCN-SCT ngày...tháng....năm... của Sở Công Thương (nếu có).

STT	Tên thương mại ⁽⁴⁾	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Hoạt động		Số lượng mua, bán thực tế (kg)	Tên tổ chức, cá nhân mua hoặc bán	Mã số thuế của tổ chức mua hoặc bán	Mục đích bên mua	
		Tên hóa chất ⁽⁴⁾	Mã CAS ⁽⁴⁾	Hàm lượng ⁽⁵⁾ (%)	Mua	Bán				Kinh doanh	Sử dụng
I. Các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁶⁾											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐
II. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁷⁾											
II.1. Các tiền chất công nghiệp											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐

STT	Tên thương mại ⁽⁴⁾	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Hoạt động		Số lượng mua, bán thực tế (kg)	Tên tổ chức, cá nhân mua hoặc bán	Mã số thuế của tổ chức mua hoặc bán	Mục đích bên mua	
		Tên hóa chất ⁽⁴⁾	Mã CAS ⁽⁴⁾	Hàm lượng ⁽⁵⁾ (%)	Mua	Bán				Kinh doanh	Sử dụng
II.2. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp khác											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐
III. Các hóa chất Bảng ⁽⁸⁾											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐
IV. Các hóa chất nguy hiểm khác											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐

Phần IV: KHAI BÁO VÀ BÁO CÁO SẢN XUẤT HÓA CHẤT

Yêu cầu nội dung:

1. Báo cáo sản xuất đối với các hóa chất là hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất Bảng và các hóa chất nguy hiểm khác.

2. Liệt kê:

- Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp số.... /GP-BCT ngày...tháng....năm... của Bộ Công Thương (nếu có);

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số...../GCN-SCT ngày....tháng....năm... của Sở Công Thương (nếu có);

- Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng số /GP-HC ngày tháng năm... của Bộ Công Thương/Cục Hóa chất (nếu có).

STT	Tên thương mại ⁽⁴⁾	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Công suất sản xuất tối đa (kg/năm)	Số lượng sản xuất thực tế (kg)	Tên cơ sở
		Tên hóa chất ⁽⁴⁾	Mã CAS ⁽⁴⁾	Hàm lượng (%) ⁽⁵⁾			
I. Các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁶⁾							
1.							
2.							
...							
n.							
II. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁷⁾							
II.1. Các tiên chất công nghiệp							
1.							
2.							
...							
n.							
II.2. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp khác							

STT	Tên, thương mại ⁽⁴⁾	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Công suất sản xuất tối đa (kg/năm)	Số lượng sản xuất thực tế (kg)	Tên cơ sở
		Tên hóa chất ⁽⁴⁾	Mã CAS ⁽⁴⁾	Hàm lượng (%) ⁽⁵⁾			
1.							
2.							
...							
n.							
III. Các hóa chất Bảng ⁽⁸⁾							
1.							
2.							
...							
n.							
IV. Các hóa chất nguy hiểm khác							
1.							
2.							
...							
n.							

Phần V: BÁO CÁO SỬ DỤNG HÓA CHẤT

Yêu cầu nội dung: Báo cáo hoạt động sử dụng đối với hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất Bảng và các hóa chất nguy hiểm khác.

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần		Nhu cầu sử dụng tối đa (kg/năm)	Số lượng sử dụng thực tế (kg)	Tên cơ sở	Mã mục đích sử dụng (*)	Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS Hàm lượng (%) ⁽⁵⁾					
I. Các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁶⁾								
1.								
2.								
...								
n.								
II. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁷⁾								
II.1. Các tiền chất công nghiệp								
1.								
2.								
...								
n.								
II.2. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp khác								
1.								
2.								
...								
n.								
III. Các hóa chất Bảng ⁽⁸⁾								
1.								
2.								
...								
n.								
IV. Các hóa chất nguy hiểm khác								
1.								

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Nhu cầu sử dụng tối đa (kg/năm)	Số lượng sử dụng thực tế (kg)	Tên cơ sở	Mã mục đích sử dụng (*)	Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%) ⁽⁵⁾					
2.									
...									
n.									

Ghi chú: ()*: Sử dụng các mã phù hợp với mục đích sử dụng chung được liệt kê tại bảng dưới đây:

Mã danh mục sử dụng	Danh mục sử dụng
01	- Các chất trung gian, bán thành phẩm
02	- Dung môi cho sơn, vec ni, chất phủ, mực in và sản phẩm diệt khuẩn
03	- Dung môi cho chất kết dính, chất kết dính nhạy áp suất
04	- Dung môi tẩy rửa và làm sạch kim loại
05	- Dung môi để làm sạch vải (công nghiệp giặt là, sấy khô)
06	- Dung môi tẩy rửa khác
07	- Dung môi dùng trong quá trình sản xuất và chế biến hóa chất
08	- Dung môi cho sol khí
09	- Các loại dung môi khác
10	- Chất điều chỉnh phản ứng hóa học
11	- Chất tạo màu
12	- Chất tẩy rửa sử dụng trong công nghiệp
13	- Chất tẩy rửa sử dụng trong gia dụng hoặc công cộng
14	- Chất đánh bóng và pha trộn sáp (ví dụ như sàn, xe hơi, da)
15	- Sơn và lớp phủ (bao gồm sơn lót)
16	- Mực in và toners (gồm mực in cho văn phòng phẩm và resist inks - in cán)
17	- Chất chống hà cho sơn đáy tàu, chất chống hà cho lưới đánh cá
18	- Các sản phẩm diệt khuẩn sử dụng trực tiếp trên sản phẩm
19	- Các sản phẩm diệt khuẩn sử dụng trong công nghiệp, không sử dụng trực tiếp trên sản phẩm
20	- Các sản phẩm diệt khuẩn sử dụng trong hộ gia đình, công cộng
21	- Các sản phẩm nổ (bao gồm pháo hoa)

22	- Làm mát không khí, khử mùi
23	- Chất kết dính và chất bịt kín
24	- Vật liệu cảm quang, vật liệu chụp ảnh và vật liệu tẩm in
25	- Sản phẩm dệt may (bao gồm chế biến vải không dệt)
26	- Sản phẩm giấy và bìa
27	- Sản phẩm nhựa
28	- Sản phẩm cao su
29	- Sản phẩm da
30	- Sản phẩm thủy tinh, tráng men và xi măng
31	- Sản phẩm gốm sứ chịu lửa và mỹ nghệ
32	- Sản phẩm đá mài, hợp chất mài, vật liệu ma sát và chất bôi trơn thể rắn
33	- Sản phẩm kim loại
34	- Hóa chất xử lý bề mặt
35	- Sản phẩm hàn
36	- Dung dịch thủy lực, dầu cách điện, dầu chế biến, dầu bôi trơn (ví dụ: Dầu làm trơn động cơ, dầu ổ trục, dầu máy nén, dầu mỡ)
37	- Chất lỏng sử dụng trong xử lý kim loại (ví dụ: dầu cắt, dầu cán, dầu ép, dầu làm nguội), dầu chống rỉ
38	- Sản phẩm điện và điện tử
39	- Pin điện, ác quy
40	- Hóa chất xử lý nước
41	- Chất làm khô và chất hấp thụ
42	- Chất lỏng truyền nhiệt
43	- Sản phẩm chống đông và tan băng
44	- Phụ gia cho vật liệu xây dựng và các sản phẩm xây dựng (ví dụ: phụ gia bê tông, chất ngấm tâm gỗ)
45	- Chất phụ gia cho vật liệu xây dựng và sản phẩm xây dựng (ví dụ: Chất tan chảy tuyết, điều hòa đất, bình cứu hỏa)
46	- Hóa chất tẩy rửa
47	- Nhiên liệu và phụ gia nhiên liệu
48	- Mục đích sử dụng khác

PHẦN VI: CÔNG TÁC AN TOÀN HÓA CHẤT

1. Tình hình chung thực hiện quy định về an toàn hóa chất

1.1. Cơ sở hoạt động hóa chất 1:

- Đã xây dựng Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: ☐ Có ☐ Không
- Trong năm có thay đổi nội dung Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: ☐ Có ☐ Không.

Trong trường hợp có thay đổi đề nghị nêu tóm tắt lý do.

- Trong năm có tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất theo Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã xây dựng: ☐ Có ☐ Không

Trường hợp có tổ chức diễn tập đề nghị nêu tóm tắt thời gian, kịch bản, địa điểm tổ chức, các cơ quan, đơn vị tham gia, phối hợp. Trường hợp không, đề nghị báo cáo lý do.

1.2. Cơ sở hoạt động hóa chất 2:

- Đã xây dựng Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: ☐ Có ☐ Không
- Trong năm có thay đổi nội dung Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: ☐ Có ☐ Không.

Trong trường hợp có thay đổi đề nghị nêu tóm tắt lý do.

- Trong năm có tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất theo Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã xây dựng: ☐ Có ☐ Không

Trường hợp có tổ chức diễn tập đề nghị nêu tóm tắt thời gian, kịch bản, địa điểm tổ chức, các cơ quan, đơn vị tham gia, phối hợp. Trường hợp không, đề nghị báo cáo lý do.

2. Tình hình tai nạn, sự cố

STT	Tên cơ sở xảy ra sự cố có liên quan hóa chất	Tên hóa chất có liên quan	Mã số CAS	Khối lượng hóa chất tràn đổ khi xảy ra sự cố	Hậu quả đối với cơ sở			Hậu quả đối với khu vực xung quanh		
					Số người chết	Số người bị ảnh hưởng sức khỏe ⁽⁹⁾	Ước tính thiệt hại vật chất	Số người chết	Số người bị ảnh hưởng sức khỏe ⁽⁹⁾	Ước tính thiệt hại vật chất
1										
2										
...										
n										

Báo cáo tóm tắt nguyên nhân, diễn biến, hậu quả và quá trình khắc phục đối với từng sự cố:

.....

3. Tình hình thực hiện huấn luyện an toàn hóa chất

3.1. Cơ sở hoạt động hóa chất 1:

STT	Đợt huấn luyện	Thông tin về giảng viên	Số người được huấn luyện	Số người đạt yêu cầu	Ghi chú
I Nhóm 1:					
1	Ngày tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
II Nhóm 2:					
1	Ngày tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			

2	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
III Nhóm 3:					
1	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			

3.2. Cơ sở hoạt động hóa chất 2:.....

STT	Đợt huấn luyện	Thông tin về giảng viên	Số người được huấn luyện	Số người đạt yêu cầu	Ghi chú
I Nhóm 1:					
1	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
II Nhóm 2:					
1	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày....tháng....năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			

		Trình độ, kinh nghiệm		
...	Ngày....tháng...năm	Họ và tên		
		Trình độ, kinh nghiệm		
n	Ngày....tháng...năm	Họ và tên		
		Trình độ, kinh nghiệm		
III Nhóm 3:				
1	Ngày....tháng...năm	Họ và tên		
		Trình độ, kinh nghiệm		
2	Ngày....tháng...năm	Họ và tên		
		Trình độ, kinh nghiệm		
...	Ngày....tháng...năm	Họ và tên		
		Trình độ, kinh nghiệm		
n	Ngày....tháng...năm	Họ và tên		
		Trình độ, kinh nghiệm		

Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất cam kết không sử dụng hóa chất cho các mục đích liên quan đến vũ khí hóa học. Các thông tin trong báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động hóa chất này là chính xác, nếu sai là chính xác, cá nhân hoạt động hóa chất xin chịu mọi hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

(1), ngày ... tháng ... năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân báo cáo đóng trụ sở chính;
- (2): Sở Công Thương các tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt địa điểm sản xuất, kinh doanh;
- (3): Ghi đầy đủ thông tin số nhà..... Phường/xã:..... Quận/Huyện:..... Tỉnh/Thành phố:.....;
- (4): Thông tin về tên thương mại, tên hóa chất, mã CAS kê khai theo đúng thông tin trên Giấy phép, Giấy chứng nhận đã được cấp (trong trường hợp đã được cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận);
- (5): Hàm lượng của hóa chất tính chính xác hoặc trung bình hàm lượng % của hóa chất trong hỗn hợp chất;

- (6): Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;
- (7): Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;
- (8): Danh mục hóa chất Bảng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;
- (9): Sổ người phải nhập viện, cần sự chăm sóc của nhân viên y tế.

UBND.....
SỞ CÔNG THƯƠNG

Mẫu 05b
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Kính gửi: Cục Hóa chất

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/ NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số/2022/TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Sở Công Thương..... báo cáo tình hình quản lý và hoạt động hóa chất trên địa bàn..... như sau:

I. Thông tin chung về tình hình hoạt động hóa chất

Tổng số cơ sở sản xuất hóa chất	Tổng số cơ sở kinh doanh hóa chất	Tổng số cơ sở sử dụng hóa chất

II. Tình hình quản lý hóa chất

1. Tình hình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

1.1. Tổng số Giấy chứng nhận đã cấp:

.....

1.2. Giấy chứng nhận đã cấp trong năm

.....

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Giấy chứng nhận (Số, ngày)	Hoạt động	
				Sản xuất	Kinh doanh
1				☐	☐
2				☐	☐
...					
n				☐	☐

1.3. Sở Công Thương phối hợp thẩm định cơ sở hóa chất để cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong năm....

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận
1			
2			
...			
n			

2. Công tác quản lý an toàn hóa chất

2.1. Tổng số Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiếp nhận:

.....

2.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiếp nhận trong năm

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Địa điểm dự án, cơ sở hóa chất
1			
2			
...			
n			

2.3. Các đợt diễn tập phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã chứng kiến hoặc chỉ đạo trong năm

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Địa điểm dự án, cơ sở hóa chất
1			

2			
...			
n			

2.4. Tình hình sự cố hóa chất trong năm

Tổng số sự cố/tai nạn xảy ra:.....

STT	Cơ sở xảy ra sự cố hóa chất	Tên hóa chất có liên quan	Mã số CAS	Hậu quả		
				Số người chết	Số người bị ảnh hưởng sức khỏe ⁽¹⁾	Ước tính vật chất thiệt hại
1						
2						
...						
n						

Báo cáo tóm tắt nguyên nhân, diễn biến, hậu quả và quá trình khắc phục từng sự cố:

.....

3. Tình hình tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh năm

Trong năm có tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã xây dựng: ☐ Có ☐ Không

Trường hợp chưa tổ chức diễn tập, đề nghị nêu rõ lý do.

4. Tình hình thanh tra, kiểm tra năm

- Tổng số đợt Thanh tra/kiểm

tra:.....

- Số vụ vi phạm:

.....

- Các hành vi vi phạm thường gặp:

.....

- Tổng số tiền xử phạt/đề nghị xử phạt:

.....

Danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ	Hành vi vi phạm chính	Hình thức xử lý vi phạm	Tổng số tiền xử phạt/đề
-----	----------------------	--------------------------------	-----------------------	-------------------------	-------------------------

		chức, cá nhân			ngợi xử phạt
1					
2					
...					
n					

III. Đề xuất, kiến nghị

Đề xuất kiến nghị về:

- Hệ thống văn bản pháp luật;
- Giải pháp phổ biến văn bản pháp luật;
- Nâng cao năng lực quản lý hóa chất;
- Tuyên truyền nâng cao ý thức về an toàn hóa chất cho cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hóa chất;
- Công tác tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh, cấp cơ sở;
- Các khó khăn vướng mắc.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Số người phải nhập bệnh viện, cần sự theo dõi và chăm sóc của nhân viên y tế.

Phụ lục 6²⁶

(được bãi bỏ)

²⁶ Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 17/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.